

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2022/HS-PT

Ngày: 21-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 92/2022/TLPT-HS ngày 11 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Trần Hồng T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2022/HS-ST ngày 29-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện M.

Bị cáo có kháng cáo: **Trần Hồng T**, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ca A, sinh năm 1965 và bà Hồng Mộng L, sinh năm 1964; chồng: Mai Tấn Đ, sinh năm 1985 (đã ly hôn); con: có 01 người con sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 53/QĐ- XPHC ngày 04/12/2020 của Trưởng Công an thị trấn M xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi *sử dụng trái phép chất ma túy* (đã nộp phạt ngày 04/6/2022); nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 82/QĐ- XPHC ngày 30/7/2019 của Trưởng Công an thị trấn M xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi *sử dụng trái phép chất ma túy* (đã nộp phạt ngày 30/7/2019); bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 30/11/2020, sau khi sử dụng trái phép chất ma túy bị cáo Trần Hồng T nhớ lại sự việc năm 2017 Tài Thanh D có nhật được điện thoại di động của bị cáo T nhưng không trả mà đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Sau đó, gia

đình bị cáo T đã tự chuộc lại điện thoại và không cho bị cáo T sử dụng nên bị cáo T bức tức và nảy sinh ý định chém bị hại D để trả thù. Bị cáo T gọi điện thoại cho anh Nguyễn Đức Toàn (là người chạy xe ôm) đến nhà nghỉ Tân Bình Minh chở bị cáo T đến nhà bị hại D, nhưng anh Toàn bận công việc nên chị Lư Kim X (vợ anh T) đến chở bị cáo T. Trên đường đi, bị cáo T kêu chị X chở vào chợ M, tại đây bị cáo T mua 01 con dao với giá 35.000 đồng bỏ vào túi nylon màu đen rồi kêu chị X chở đến nhà bị hại D. Khi đến trước nhà bị hại D, bị cáo T kêu chị X dừng xe bên ngoài cách nhà bị hại D khoảng 15 mét đợi, còn bị cáo T một mình cầm dao đi bộ vào nhà tìm bị hại D để chém. Khi bị cáo T vào trong nhà thấy bị hại D đang nằm ngủ trên võng, bị cáo T dùng dao chém nhiều cái vào chân bị hại D, bị hại D giật mình thức dậy dùng tay để chống đỡ và chạy thoát được ra phía sau nhà. Bị cáo T cầm dao bỏ đi ra xe và kêu chị X chở về nhà. Đi được một đoạn chị X thấy bị cáo T cầm dao nên không đồng ý chở nữa và yêu cầu bị cáo T xuống xe. Sau đó, bị cáo T tiếp tục kêu xe ôm của một người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ) chở về nhà nghỉ Tân Bình Minh và cất giấu dao dưới gầm giường trong phòng nghỉ số 6. Sau khi nhận được tin báo, Cơ quan Công an đã mời bị cáo T đến làm việc, tại đây bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và chỉ nơi cất giấu hung khí.

* Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

Thu tại nhà nghỉ Tân Bình Minh:

- 01 (một) con dao dài 33,5cm, cân nặng 370gram, cán và lưỡi dao bằng kim loại màu đen, cán dao dài 10cm, lưỡi dao dài 23,5cm, mũi bằng, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 07cm, trên bề mặt mũi dao có chữ H NĂM, trên lưỡi dao có dính vết màu nâu đỏ đã khô (nghĩ là máu);

- 01 (một) túi nylon bằng nhựa màu đen, có 02 quay.

Thu của bà Huỳnh Thị Cẩm T (là mẹ ruột của bị hại D):

- 01 (một) đĩa CD hiệu SPARK bên trong có chứa một đoạn video tên VIDEO-DOWNLOAD-1607932144562.mp4 dung lượng 12,1MB;

- 01 (một) áo sơ mi tay ngắn, màu xám xanh, trên áo có dính nhiều vết màu nâu đỏ (nghĩ là máu);

- 01 (một) quần kaki màu kem, dài ngang gối, trên quần dính nhiều vết màu nâu đỏ (nghĩ là máu), quần bị cắt dọc mặt trước.

Thu của bị cáo Trần Hồng T:

- 01 (một) áo khoác thun tay dài, màu tím, sọc ca rô trắng - đen, áo có mũ trùm đầu;

- 01 (một) quần thun nữ dài, màu hoa văn đen - đỏ - vàng;

- 01 (một) nón bảo hiểm bằng nhựa, màu đen, loại nón nửa đầu, sau nón có chữ NÓN SƠN, dây quai gài màu đen;

- 01 (một) đôi dép kẹp bằng nhựa màu đỏ đen, trên quai dép có chữ Fipper.

* Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 329-1220/TgT ngày 30/12/2020 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Bến Tre xác định:

- Vết thương gò trái khoảng 15cm, đứt gân cơ căng mạc đùi đã lành sẹo, kích thước 11cm x 0,5cm: 02% (hai phần trăm).

- Vết thương mặt ngoài cổ chân trái kích thước 05cm x 05cm nham nhỡ, mất một phần xương mác đã lành sẹo, kích thước 13cm x 0,5cm: 02% (hai phần trăm).

- Xquang cẳng chân trái: mất một phần vỏ xương đoạn đầu dưới xương mác: 01% (một phần trăm).

- Vết thương mu bàn chân trái kích thước: 01cm x 02cm, đứt gân duỗi ngón I đã lành sẹo, kích thước: 06cm x 0,1cm: 02% (hai phần trăm).

- Vết thương mặt lòng ngón III đến lòng bàn chân phải kích thước: 08cm, đứt gân gấp ngón III đã lành sẹo, kích thước: 08cm x 0,1cm: 02% (hai phần trăm).

- Vết thương mềm lòng bàn chân phải kích thước: 03cm x 04cm, đã lành sẹo, kích thước 05cm x 0,1cm: 01% (một phần trăm).

- Vết thương mặt lưng ngón II bàn tay khoảng 08cm, đứt gân duỗi ngón II, trật khớp liên đốt gần đã lành sẹo, kích thước: 07cm x 0,2cm: 02% (hai phần trăm), hiện cứng khớp đốt I - II: 03% (ba phần trăm).

- Vết thương gò phải 03cm x 03cm thấu khớp gò, đã lành sẹo, kích thước: 09cm x 0,5cm: 02% (hai phần trăm).

- Xquang bàn chân trái: gãy phần chỏm xương đốt bàn ngón II bàn chân trái: 03% (ba phần trăm).

- Xquang bàn chân phải: gãy phần chỏm xương đốt bàn ngón II bàn chân phải: 03% (ba phần trăm).

- Xquang bàn tay phải: gãy phần nền đốt gần và đốt giữa ngón II bàn tay phải: 02% (hai phần trăm).

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của bị hại Tài Thanh D là 22%.

* Căn cứ Kết luận giám định số 55/C09B ngày 14/01/2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với con dao đã thu giữ nêu trên, kết luận: Trên con dao gò giám định có máu người, phân tích được kiểu gen là nam giới hoàn chỉnh trùng với gen của Tài Thanh D.

* Căn cứ Kết luận giám định pháp y tâm thần số 127/KL-VPYTW ngày 24/3/2022 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa - Bộ Y tế kết luận:

- Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đang sự bị rối loạn nhân cách và hành vi do sử dụng chất kích thích (F15.71-ICD.10).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

+ Tại thời điểm gây án: Đang sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều

khởi hành vi.

+ Hiện nay: Đang sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2022/HS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Hồng T phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Hồng T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Ngoài ra; Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/9/2022 bị cáo Trần Hồng T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Bản án sơ thẩm; bị cáo giữ nguyên kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bị cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Trần Hồng T phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù. Xét kháng cáo về phần hình phạt của bị cáo; nhận thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, vì vậy kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo có cơ sở chấp nhận; riêng kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Hồng T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo tranh luận: xin được hưởng án treo.

- Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: xuất phát từ mâu thuẫn đã xảy ra vào năm 2017 nên khoảng 15 giờ ngày 30/11/2020, sau khi sử dụng trái phép chất ma túy bị cáo Trần Hồng T đã dùng dao là hung khí nguy hiểm chém bị hại Tài Thanh D nhiều cái trong khi bị hại D đang ngủ, gây thương tích cho bị hại Tài Thanh D với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 22%.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, không hoàn toàn bị mất khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, mặc dù tại thời điểm gây án bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng không do bệnh lý tự phát sinh mà trong tình trạng do sử dụng chất kích thích (chất ma túy) nên bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 13 của Bộ luật Hình sự; bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm, vô cớ chém bị hại gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại là 22%; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Trần Hồng T phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “*Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm và có tính chất côn đồ theo điểm a, i khoản 1 Điều này*” theo điểm d khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Hồng T yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: bị cáo có 01 tiền sự về hành vi *sử dụng trái phép chất ma túy*, có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được*” theo điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo đã *bồi thường thiệt hại* cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 02 năm tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 22%

trong khi bị hại đang ngủ, phạm tội có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, phạm tội với lỗi cố ý, có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, đã xâm phạm nghiêm trọng đến sức khỏe của bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, và mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng không nêu rõ tình tiết nào, tuy nhiên theo hồ sơ vụ án thể hiện thì *bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo* nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là phù hợp, đã xử phạt bị cáo 02 năm tù. Mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo có cung cấp thêm tài liệu, toa thuốc chẩn đoán bị cáo bị bệnh nhồi máu não, rối loạn giấc ngủ, di chứng mạch máu não, tăng lipid máu hỗn hợp (U58.742; U55.621; U58.061; U53.151.2), bệnh lý tăng huyết áp để yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, tuy nhiên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù theo mức khởi điểm của khung hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra cho bị hại, vì vậy kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận. Bị cáo đã dùng dao sắc bén, vô cớ chém bị hại mười ba cái trong khi bị hại đang ngủ, đã gây ra nhiều vết thương trên cơ thể bị hại với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại là 22%, bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ, có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đã có 01 tiền sự về hành vi *sử dụng trái phép chất ma túy*, điều đó chứng tỏ bị cáo có nhân thân không tốt, bị cáo không có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù không cho hưởng án treo là có căn cứ pháp luật. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên phần hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng

hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Trần Hồng T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 25/2022/HS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Hồng T 02 (hai) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”;

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Trần Hồng T phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện M (3b);
- Công an và VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND thị trấn M, huyện M (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông